

Số: 25/NQ-ĐHĐCĐ

Hà Nội, ngày 26 tháng 6 năm 2025

**NGHỊ QUYẾT**  
**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025**

**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ XÂY DỰNG - CTCP**

*Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;*

*Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;*

*Căn cứ Điều lệ của Tổng công ty Cơ khí xây dựng - CTCP;*

*Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 của Tổng công ty Cơ khí xây dựng - CTCP số 236/BB-ĐHĐCĐ ngày 26/6/2025.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Thông qua kết quả sản xuất kinh doanh năm 2024 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025 của Tổng công ty Cơ khí xây dựng - CTCP với các nội dung chính sau:

1. Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2024:

*a) Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2024 của toàn Tổng công ty*

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Nghị quyết ĐHĐCĐ 2024	Thực hiện năm 2024	% TH/KH
A	B	C	1	2	3=2/1
1	Giá trị SXKD	Tỷ đồng	400,4	329,83	82%
2	Doanh thu	Tỷ đồng	366,6	285,83	78%
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	3,7	37,14	1.004%
4	Nộp ngân sách	Tỷ đồng	42,9	46,86	109%
5	Thu nhập bình quân	Tr.đồng	9,5	10,16	107%
6	Giá trị đầu tư	Tỷ đồng	44,6	29,86	67%

*b) Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2024 của Công ty mẹ Tổng công ty*

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Nghị quyết ĐHĐCĐ 2024	Thực hiện năm 2024	% TH/KH
A	B	C	1	2	3=2/1
1	Giá trị SXKD	Tỷ đồng	156,9	115,73	74%



2	Doanh thu	Tỷ đồng	146,0	98,68	68%
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	1,9	41,55	2.187%
4	Nộp ngân sách	Tỷ đồng	15,1	15,51	103%
5	Thu nhập bình quân	Tr.đồng	12,7	14,40	113%
6	Giá trị đầu tư	Tỷ đồng	35,0	26,39	75%

2. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025:

a) Bảng kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025 của toàn Tổng công ty

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2024	Kế hoạch 2025	% KH/TH
A	B	C	1	2	3=2/1
1	Giá trị SXKD	Tỷ đồng	329,83	398,27	121%
2	Doanh thu	Tỷ đồng	285,83	361,73	127%
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	37,14	8,06	21,7%
4	Nộp ngân sách	Tỷ đồng	46,86	35,79	76%
5	Thu nhập bình quân	Tr.đồng	10,16	10,17	100%
6	Giá trị đầu tư	Tỷ đồng	29,86	15,92	53%

b) Bảng kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025 của Công ty mẹ Tổng công ty

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2024	Kế hoạch 2025	% KH/TH
A	B	C	1	2	3=2/1
1	Giá trị SXKD	Tỷ đồng	115,73	152,57	132%
2	Doanh thu	Tỷ đồng	98,68	140,29	142%
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	41,55	5,06	12%
4	Nộp ngân sách	Tỷ đồng	15,51	16,86	109%
5	Thu nhập bình quân	Tr.đồng	14,4	14,74	102%
6	Giá trị đầu tư	Tỷ đồng	26,39	1,15	4%

Đại hội đồng cổ đông giao nhiệm vụ cho Hội đồng quản trị tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025. Ủy quyền cho HĐQT điều chỉnh kế hoạch sản xuất kinh doanh để phù hợp với tình hình thực tế hoạt động năm 2025 sau khi có ý kiến thỏa thuận của Bộ Xây dựng là đại diện Chủ sở hữu phần vốn Nhà nước tại Tổng công ty.

**Điều 2.** Thông qua Báo cáo kết quả hoạt động năm 2024, kế hoạch hoạt động năm 2025 của Hội đồng quản trị Tổng công ty Cơ khí xây dựng - CTCP.

**Điều 3.** Thông qua Báo cáo kết quả hoạt động năm 2024, kế hoạch hoạt động năm 2025 của Ban Kiểm soát Tổng công ty cơ khí xây dựng - CTCP.



**Điều 4.** Thông qua Báo cáo tài chính năm 2024 đã được kiểm toán của Tổng công ty Cơ khí xây dựng - CTCP.

1. Báo cáo tài chính Công ty mẹ Tổng công ty:

a) Tài sản - Nguồn vốn

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Số tiền
<b>I</b>	<b>TỔNG TÀI SẢN</b>	<b>Đồng</b>	<b>400.519.363.180</b>
1	Tài sản ngắn hạn	Đồng	165.535.899.761
2	Tài sản dài hạn	Đồng	234.983.463.419
<b>II</b>	<b>TỔNG NGUỒN VỐN</b>	<b>Đồng</b>	<b>400.519.363.180</b>
1	Nợ phải trả	Đồng	397.477.160.113
2	Nguồn vốn chủ sở hữu	Đồng	3.042.203.067

b) Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2024

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Số tiền
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Đồng	98.681.064.399
2	Tổng lợi nhuận trước thuế	Đồng	41.554.245.486
3	Tổng lợi nhuận sau thuế TNDN	Đồng	41.554.245.486

2. Báo cáo tài chính hợp nhất toàn Tổng công ty:

a) Tài sản - Nguồn vốn

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Số tiền
<b>I</b>	<b>TỔNG TÀI SẢN</b>	<b>Đồng</b>	<b>897.626.191.650</b>
1	Tài sản ngắn hạn	Đồng	629.590.666.661
2	Tài sản dài hạn	Đồng	268.035.524.989
<b>II</b>	<b>TỔNG NGUỒN VỐN</b>	<b>Đồng</b>	<b>897.626.191.650</b>
1	Nợ phải trả	Đồng	935.834.712.145
2	Nguồn vốn chủ sở hữu	Đồng	(38.208.520.495)

b) Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2024

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Số tiền
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Đồng	285.830.605.306
2	Tổng lợi nhuận trước thuế	Đồng	37.140.064.706
3	Tổng lợi nhuận sau thuế TNDN	Đồng	35.720.190.798

**Điều 5.** Thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2024 theo Tờ trình số 30/TTr-HĐQT ngày 25/6/2025 của Hội đồng quản trị.

**Điều 6.** Thông qua mức tiền lương, thù lao thực hiện năm 2024, kế hoạch tiền lương, thù lao năm 2025 của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát theo Tờ trình số 19/TTr-HĐQT ngày 25/4/2025 của Hội đồng quản trị, cụ thể:

1. Tổng quỹ tiền lương, thù lao thực hiện năm 2024

TT	Chức danh	Kế hoạch		Thực hiện		Tỷ lệ TH/KH (%)
		Số người	Tổng mức tiền lương, thù lao (trđ)	Số người	Tiền lương, thù lao (trđ)	
<b>I</b>	<b>Hội đồng quản trị</b>		<b>936,00</b>		<b>849,13</b>	<b>91%</b>
<b>1</b>	<b>Tiền lương</b>		<b>792,00</b>		<b>705,13</b>	<b>89%</b>
1.1	Chủ tịch HĐQT chuyên trách	1	432,00	1	382,10	88%
1.2	Thành viên HĐQT chuyên trách	1	360,00	1	323,03	90%
<b>2</b>	<b>Thù lao</b>					
1	Thành viên HĐQT kiêm nhiệm	3	144,00	3	144,00	100%
<b>II</b>	<b>Ban Kiểm soát</b>		<b>408,00</b>		<b>370,72</b>	<b>91%</b>
<b>1</b>	<b>Tiền lương</b>					
	Trưởng Ban Kiểm soát	1	360,00	1	322,72	90%
<b>2</b>	<b>Thù lao</b>					
	Thành viên Ban KS kiêm nhiệm	2	48,00	2	48,00	100%
			<b>1.344,00</b>		<b>1.219,85</b>	<b>91%</b>

2. Mức tiền lương, thù lao kế hoạch năm 2025:

TT	Chức danh	Số người	Mức tiền lương và thù lao tối đa (đồng/tháng)	Số tháng/năm	Tổng mức tiền lương, thù lao tối đa (đồng)
<b>I</b>	<b>Hội đồng quản trị</b>				<b>1.065.600.000</b>
<b>1</b>	<b>Tiền lương</b>				
1.1	Chủ tịch HĐQT chuyên trách	1	42.400.000	12	508.800.000
1.2	Thành viên HĐQT chuyên trách	1	34.400.000	12	412.800.000
<b>2</b>	<b>Thù lao</b>				
	Thành viên HĐQT kiêm nhiệm	3	4.000.000	12	144.000.000
<b>II</b>	<b>Ban Kiểm soát</b>				<b>470.400.000</b>
<b>1</b>	<b>Tiền lương</b>				
	Trưởng Ban Kiểm soát	1	35.200.000	12	422.400.000




<b>2</b>	<b>Thù lao</b>				
	Thành viên BKS kiêm nhiệm	2	2.000.000	12	48.000.000
	<b>Tổng cộng</b>				<b>1.536.000.000</b>


**Điều 7.** Thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập sẽ được lựa chọn để thực hiện soát xét báo cáo tài chính bán niên, kiểm toán báo cáo tài chính năm của Tổng công ty trong năm 2025 theo nội dung Tờ trình số 18/TTr-BKS ngày 25/4/2025 của Ban Kiểm soát Tổng công ty và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn công ty kiểm toán theo danh sách dưới đây:

1. Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam (VAE);
2. Công ty TNHH kiểm toán CPA VIETNAM (CPA VIETNAM)
3. Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế (ICPA)

**Điều 8.** Điều khoản thi hành.

Nghị quyết này đã được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua toàn văn tại cuộc họp và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 26/6/2025. Các ông (bà) thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Điều hành, các cổ đông và các tập thể, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này và tổ chức triển khai thực hiện theo chức năng hoạt động, nhiệm vụ của mình phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ của Tổng công ty. 

**Nơi nhận:**

- Như Điều 8;
- Bộ Xây dựng (để b/c);
- SGDCK Hà Nội;
- Website COMA (t/b);
- Các phòng, ban, trung tâm (để t/h);
- Lưu: VP, HĐQT 

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG  
CHỦ TỌA**



**Trịnh Nam Hải**